

Số: 251/2018/DS-PT

Ngày: 20/9/2018

V/v: “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua

Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng
– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2017/TLPT-DS ngày 15/12/2017 về
“*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án
nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2018/QĐPT-DS ngày
08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: Số 1, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật: Tì Kheo Thích Nhựt T– Trưởng Ban trị sự
Giáo hội P tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Dương Tiến N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: 5C (khu tập thể Phú Khương), phường P, Thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Thượng tọa Thích Huệ Đ thế danh Lục Vĩnh Ph – Chức vụ Phó Ban trị sự
Giáo hội P tỉnh Bến Tre

Thượng Tọa Thích Huệ T thể danh Phùng Văn P – Chức vụ Phó trưởng ban Thường trực Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Ông Lê Tâm H, sinh năm 1959

Địa chỉ: 30/3, lộ số 4, khu phố 3, phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật Gia Nguyễn Văn Gi– Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang.

Luật sư Võ Tấn Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Tổng Thị L, sinh năm 1962

3.2 Bà Lê Thị Diễm H, sinh năm 1991

3.3 Bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: 30/3, lộ số 4, khu phố 3, phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của bà L, chị H, chị T: là ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957. Địa chỉ số 125/3, Lý Thường Kiệt, khu phố 8, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số 30/3, lộ số 4, khu phố 3, phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thủy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2015, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre là ông Dương Tiến N, Thượng tọa Thích Huệ Đ, Thượng tọa Thích Huệ T trình bày:

Phần tài sản đang tranh chấp gồm phần đất có diện tích 274,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 270,2m²) thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và một ngôi chùa trên đất có tên là Thịnh Văn. Nguồn gốc phần tài sản này là của ông Lê Văn Bảy, pháp danh Tỳ Kheo Thích Vĩnh Đạo (sau này là Hòa thượng Thích Vĩnh Đạo).

Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre cho rằng đây là tài sản của Giáo hội Phật giáo vì:

Theo quy định tại Điều 63 Hiến chương Giáo hội P thì tài sản của Giáo hội Phật giáo là tài sản do Giáo hội xây dựng, tạo mãi hoặc tư nhân trong và ngoài nước hiến cúng hợp pháp. Năm 1999, ông Bảy đã có đơn hiến chùa Thịnh Văn cho Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre nên chùa Thịnh Văn đã trở thành tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 16, 17 Nội quy Ban tăng sự Trung ương của Hội đồng trị sự Giáo hội P thì tất cả các cơ sở tín ngưỡng của Đạo phật được kiến tạo trước ngày 07/11/1981 đều là đơn vị cơ sở của Giáo Hội phật giáo. Chùa Thịnh Văn được kiến tạo năm 1957 nên đây là tài sản của Giáo hội phật giáo, Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre đã đưa chùa Thịnh Văn vào giáo sản của Giáo hội phật giáo Việt Nam, bằng chứng là trong sổ địa chính của phường 4 có ghi tên người sử dụng đất là chùa Thịnh Văn và thuộc loại đất của tôn giáo, không phải là của ông Bảy.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo và khoản 1 Điều 159 Luật đất đai thì đất của chùa là đất của cơ sở tôn giáo.

Do chùa Thịnh Văn là tài sản của Giáo hội P nên ông Bảy không có quyền lập di chúc cho Ông Lê Tâm H phần đất và ngôi chùa trên đất.

Vì các lẽ trên, Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre khởi kiện yêu cầu Ông Lê Tâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải giao trả toàn bộ phần đất diện tích 274,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 270,2m²) thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất là chùa Thịnh Văn cho Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre quản lý, sử dụng để phục vụ vào mục đích chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tại Tòa, Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre đồng ý để lại cho ông H được quản lý, sử dụng một phần đất là nhà B có diện tích 18,8m² và nhà E có diện tích 74,7m² thuộc một phần thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Ông Lê Tâm H trình bày:

Năm 1984, ông Bảy có giấy tặng cho ông H phần tài sản gồm phần đất có diện tích 274,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 270,2m²) thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và ngôi chùa trên đất có tên là Thịnh Văn. Đến năm 1994 và năm 2001, ông Bảy lập di chúc để lại cho ông H phần tài sản trên. Ngoài ra, các văn bản hiến chùa của ông Bảy năm 1999 và năm 2000 ghi là chùa Thịnh, không phải Thịnh Văn; ghi chùa được kiến tạo năm 1946 là không đúng; ông Bảy ghi là “định hiến”, không phải “hiến”. Như vậy, các văn bản hiến chùa của ông Bảy năm 1999 và năm 2000 không có giá trị.

Mặt khác, chùa Thịnh Văn chưa được nhà nước cho phép hoạt động, cụ thể là chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, chưa có văn bản nào của cơ quan nhà nước xác nhận đây là tài sản của Giáo hội Phật giáo. Khi ông Bảy có đơn hiến chùa cho Giáo hội Phật giáo, Giáo hội Phật giáo không có động thái gì để tiếp quản chùa. Do đó, không thể áp dụng Điều 63 Hiến chương Giáo hội phật giáo Việt Nam; Điều 16, Điều 17 Nội quy Ban tăng sự Trung ương của Hội đồng trị sự

Giáo hội Phật giáo Việt Nam; khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo và khoản 1 Điều 159 Luật đất đai để cho rằng đất và chùa Thịnh Văn là tài sản của Giáo hội Phật Giáo như lời trình bày của nguyên đơn.

Như vậy, phần tài sản gồm phần đất có diện tích $274,8m^2$ (qua đo đạc thực tế có diện tích $270,2m^2$) thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và ngôi chùa Thịnh Văn trên đất thuộc quyền sở hữu của ông H. Do đó, ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre.

Buộc Ông Lê Tâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tổng Thị L, Bà Lê Thị Diễm H và bà Lê Thị Thủy T trả lại cho Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre phần tài sản gồm phần đất có diện tích $176,7m^2$ thuộc phần một thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và một ngôi chùa trên đất có tên là Thịnh Văn (gồm: nhà A có diện tích $110,5m^2$; nhà C có diện tích $41,6m^2$; nhà D có diện tích $24,6m^2$). (Có họa đồ kèm theo).

Ông Lê Tâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tổng Thị L, Bà Lê Thị Diễm H và bà Lê Thị Thủy T được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích $93,5m^2$ thuộc một phần thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và tài sản trên đất gồm nhà B có diện tích $18,8m^2$, nhà E có diện tích $74,7m^2$. (Có họa đồ kèm theo).

2. Buộc Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre trả lại chi phí sửa chữa cho Ông Lê Tâm H với số tiền là 29.467.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành sẽ được tính lãi trên số tiền gốc theo mức lãi suất được quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

3. Chi phí thu thập chứng cứ là 3.221.000 đồng Ông Lê Tâm H phải chịu nhưng do Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre đã nộp xong nên Ông Lê Tâm H phải có trách nhiệm trả lại cho Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre số tiền 3.221.000 đồng.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.445.000 đồng Ông Lê Tâm H phải nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.473.400 đồng Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011924 ngày 28/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chi cục thi

hành án dân sự thành phố T hoàn trả lại cho Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre số tiền 29.258.600 đồng theo biên lai thu tiền nêu trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/10/2017, ngày 13/10/2017 Ông Lê Tâm H, bà Tống Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thuỷ T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 154/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm Ông Lê Tâm H, ông Nguyễn Văn D người đại diện theo uỷ quyền của bà L, chị H, chị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguồn gốc căn nhà là do ông Bảy mua năm 1957. Tài sản này các bên thừa nhận do ông Bảy mua nhưng Ban trị sự cho rằng đây là tài sản của ông Bảy cùng các hội viên mua là không chính xác. Chùa Thinh Văn không được nhà nước công nhận đây là chùa nên đây không phải là cơ sở Tôn giáo, không phải là giáo sản; Chùa Thinh Văn không được ban trị sự tiếp nhận hay tu bổ gì từ năm 1999 đến nay; Năm 2000 ông Bảy hiến chùa nhưng không ai nhận nên đến năm 2001 ông Bảy mới lập di chúc để lại cho ông Hà; Tài sản là giáo sản được đăng vào danh bộ thì phải giải quyết ổn định nội bộ nhưng tài sản này ông H vẫn còn tranh chấp; Căn cứ công văn 181/BTG ngày 13/6/2017 của Ban tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre là không phù hợp vì Ban tôn giáo không có quyền xác nhận tài sản nào là giáo sản nên công văn này chỉ mang giá trị tham khảo; Ban trị sự Giáo hội Pkhông có quyền khởi kiện, Giáo hội Pmới có quyền khởi kiện vì tài sản là của Giáo hội; Hiến chương là bản photo không có cơ quan thẩm quyền xác nhận; Đất chưa được cấp cho ai nên Ban trị sự không có quyền khởi kiện; Tài sản này không phải là chùa mà chỉ là nhà thờ Phật. Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm, hủy án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hòa thượng Thích Vĩnh Đạo đã hiến chùa năm 1999 và 2000 nội dung là hiến chùa cho Giáo hội và yêu cầu cử người đến quản lý. Theo công văn 181/BTG ngày 13/6/2017 của Ban tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre và 415 đều thể hiện chùa Thinh Văn là tài sản của Giáo hội nhưng ông Hà không có khiếu nại gì đối với hai công văn này. Ông H cho rằng Ban trị sự không tiếp quản chùa là không phù hợp vì khi ông Bảy còn sống thì ông Bảy ở tại đó sau khi ông

Bảy mất thì Ban trị sự có đến tiếp quản nhưng ông cản trở. Theo di chúc của ông Bảy thể hiện để lại chùa cho ông H vì ông H đã thọ giới sa di để lại cho ông H để tu tập thờ cúng không phải để kinh doanh như ông H trình bày. Căn cứ Điều 63 Hiến chương, Điều 16, Điều 17 nội quy ban tăng sự thì cơ sở tín ngưỡng tạo lập trước ngày 07/11/1981 đều là cơ sở của Giáo hội. Chùa Thịnh Văn được ông Bảy tạo lập năm 1957 và đã hiến cho Giáo hội nên đây là giáo sản. Ban trị sự khởi kiện yêu cầu ông H và người liên quan giao trả phần đất có chùa với diện tích là 176,7m² là có căn cứ. Theo nghị quyết 326 thì án phí đối với tranh chấp về tài sản của ai thì án phí là không có giá ngạch. Căn cứ khoản 1, Điều 308 đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm có điều chỉnh phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Phần đất có diện tích 274,8m² (qua đo đạc thực tế có diện tích 270,2m²) thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và một ngôi chùa trên đất có tên là Thịnh Văn là của ông Bảy, pháp danh Tỳ Kheo Thích Vĩnh Đạo (sau này là Hòa thượng Thích Vĩnh Đạo). Nguyên đơn cho rằng năm 1999, ông Bảy làm đơn gửi Ủy ban nhân dân phường 4 đề nghị hiến chùa Thịnh Văn cho Ban trị sự giáo hội Phật giáo tỉnh Bến Tre. Sau khi Hoà thượng Thích Vĩnh Đạo viên tịch thì Ông Lê Tâm H tự ý chiếm ngôi chùa. Năm 2004, Ban trị sự Phật giáo thị xã Bến Tre cử người đến tiếp quản chùa ông H phản đối. Ông H cho rằng phần đất này ông Bảy đã lập di chúc để lại cho ông nên ông không đồng ý để cho Ban Ban trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre tiếp quản và ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ban trị sự.

Căn cứ vào Công văn số 181/BTG ngày 13/6/2017 của Ban tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre thể hiện vào năm 1993 Ban trị sự Phật giáo tỉnh Bến Tre thống kê đăng ký cơ sở tự viện, tăng ni về Giáo hội Trung ương và các cơ quan nhà nước theo dõi. Tại thời điểm này, trong thống kê của Ban trị sự Phật giáo tỉnh thì chùa Thịnh Văn đã có trong danh bộ của Giáo hội, là cấp cơ sở của giáo hội và được cấp con dấu riêng. Theo Điều 16 Nội quy Ban tăng sự trung ương Giáo hội Pthì “Tất cả các Tu viện là cơ sở tín ngưỡng theo đúng truyền thống của Đạo Phật được kiến tạo trước ngày 07.11.1981 đều là cơ sở của Giáo hội Ptheo quy định của Hiến chương Giáo hội”. Như vậy, Chùa Thịnh Văn là cơ sở của Giáo hội P tỉnh Bến Tre, không phải chùa riêng của ông Lê Văn Bảy.

Công văn số 179/CV-UB ngày 30/3/2005 của Ủy ban nhân dân Thị xã Bến Tre trả lời đơn khiếu nại của Ông Lê Tâm H về việc ông Lê Thanh Hoàng đã xây dựng lấn ranh chùa (chùa Thịnh Văn) làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường

của tự viện. Nội dung công văn trả lời cho rằng “Chùa Thỉnh Văn được kiến tạo trước ngày 07/11/1981 nằm trong danh bộ đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý, điều hành của các cấp Giáo Hội Phật giáo từ Trung ương đến địa phương. Hiện nay Ban đại diện Phật Giáo thị xã đang trực tiếp quản lý tự viện”. Từ những nhận định trên có căn cứ cho rằng chùa Thỉnh Văn là giáo sản của Giáo hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam và được Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý.

Ông H cho rằng năm 1984, ông Lê Văn Bảy có văn bản tặng cho Ông Lê Tâm H phần tài sản trên. Tuy nhiên, ông H chưa làm thủ tục để nhận và quản lý tài sản theo quy định pháp luật. Ngày 15/9/1997 ông Bảy có đơn xin xác nhận chủ quyền nhà ở, đơn có chứng thực tại UBND phường 4 với nội dung là từ khi xây nhà đến nay ông chưa sang nhượng, tặng cho ai và xin xác nhận ông là chủ sở hữu căn nhà trên. Do đó, giấy tặng cho năm 1984 của ông Bảy không còn giá trị. Năm 1994 ông Lê Văn Bảy (Hòa thượng Thích Vĩnh Đạo) có làm di chúc để lại phần đất và ngôi chùa trên cho ông. Tuy nhiên, điều kiện để có hiệu lực của di chúc là khi người để lại di chúc chết. Năm 1994 ông Bảy làm di chúc cho ông H phần đất này tuy nhiên ông Bảy vẫn còn sống nên di chúc này chưa phát sinh hiệu lực. Đến năm 1999 ông Bảy đã hiến chùa Thỉnh Văn cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên di chúc của ông Bảy để lại đất và ngôi chùa cho ông H vào năm 2001 là không có giá trị vì chùa Thỉnh Văn đã là tài sản của Giáo hội nên ông Bảy không có quyền định đoạt đối với tài sản này. Chùa Thỉnh Văn vẫn là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre là có cơ sở.

Ông Lê Tâm H căn cứ vào quyết định số 05/2013/QĐ-TA ngày 30/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T cho rằng việc Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre chưa đủ điều kiện khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ vào khoản 11, Điều 32 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Ban trị sự cấp tỉnh có chức năng quyền hạn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức, cá nhân là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh. Do đó, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre đủ điều kiện khởi kiện. Quyết định số 05/2013/QĐ-TA ngày 30/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T là chưa chính xác. Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý lại và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với trình bày của nguyên đơn chỉ đồng ý bồi hoàn chi phí sửa chữa nhà cho ông H theo định giá của cấp sơ thẩm do kết quả định giá của cấp phúc thẩm hoàn toàn khác cấp sơ thẩm và có sự tăng đột biến về giá trị tài sản. Hội đồng định giá cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đều thống nhất giá trị xây dựng nhà. Tuy nhiên, Hội đồng định giá cấp sơ thẩm xác định giá trị sử dụng còn lại của tài sản là chưa phù hợp nên cần lấy kết quả định giá của Hội đồng định giá cấp phúc thẩm để giải quyết vụ án. Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bến Tre phải bồi hoàn chi phí sửa

chứa nhà cho ông Hà tổng số tiền là: (Nhà C ($41,6m^2 \times (2.280.000 - 110.000)$) $\times 60\% = 54.163.200$ đồng + Nhà D ($24,6m^2 \times 970.000$) $\times 60\% = 14.317.200$) = 68.480.400 đồng.

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng Tòa án không xem xét về giá trị đất mà chỉ tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự chỉ phải chịu án phí như vụ án không có giá ngạch. Do đó, ông H chỉ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, Tòa phúc thẩm điều chỉnh lại án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Kháng cáo của Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thuỷ T là không có cơ sở chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thuỷ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thuỷ T .

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 154/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Căn cứ vào Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 256, 305, 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 202, 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre đối với Ông Lê Tâm H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc Ông Lê Tâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tổng Thị L, Bà Lê Thị Diễm H và bà Lê Thị Thuỷ T có nghĩa vụ trả lại cho Ban trị sự Giáo hội P tỉnh Bến Tre phần tài sản gồm: phần đất có diện tích $176,7m^2$ thuộc phần một thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và một ngôi chùa trên đất có tên là Thịnh Văn (gồm: nhà A có diện tích $110,5m^2$; nhà C có diện tích $41,6m^2$; nhà D có diện tích $24,6m^2$). (Có họa đồ kèm theo).

Ghi nhận việc Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre đồng ý để Ông Lê Tâm H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tổng Thị L, Bà Lê Thị Diễm H và bà Lê Thị Thủy T được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 93,5m² thuộc một phần thửa 161, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại phường 4, thành phố T và tài sản trên đất gồm nhà B có diện tích 18,8m², nhà E có diện tích 74,7m². (Có họa đồ kèm theo).

2. Buộc Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre trả lại chi phí sửa chữa nhà cho Ông Lê Tâm H với số tiền là 68.480.400 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành sẽ được tính lãi trên số tiền gốc theo mức lãi suất được quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

3. Chi phí thu thập chứng cứ:

Sơ thẩm là 3.221.000 đồng Ông Lê Tâm H phải chịu nhưng do Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre đã nộp xong nên Ông Lê Tâm H phải có trách nhiệm trả lại cho Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre số tiền 3.221.000 đồng.

Phúc thẩm là 2.660.000 đồng Ông Lê Tâm H phải chịu, ghi nhận ông H đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Lê Tâm H phải nộp số tiền là 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre phải nộp số tiền là 3.424.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.732.000 đồng theo biên lai thu số 0011924 ngày 28/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, còn lại số tiền 27.308.000 đồng trả lại cho Ban trị sự Giáo hội Ptỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thủy T không phải chịu. Hoàn lại cho Ông Lê Tâm H, bà Tổng Thị L, chị Lê Thị Diễm H, chị Lê Thị Thủy T mỗi người số tiền 300.000 theo các biên lai thu số 0013161, 0013164, 0013163, 0013162 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND Tp Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp Bến Tre;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư